

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản
lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an
toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà
nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận
tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao
thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2904/TTr-SXD
ngày 01 tháng 4 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định việc quản lý đường tỉnh,
đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã,
đường thôn trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Thẩm quyền quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường tỉnh, các công trình trên tuyến và các tuyến đường do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) chịu trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường đô thị (trừ các tuyến đường Quốc lộ, Đường tỉnh do Sở Xây dựng và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý), đường xã, đường thôn, các công trình trên tuyến (chiếu sáng, hệ thống thoát nước, vỉa hè, cây xanh) trên đường giao thông thuộc địa giới hành chính quản lý và các công trình trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý được đầu tư theo các hình thức sau:

- Hình thức đầu tư công (do Nhà nước đầu tư, hỗ trợ vốn đầu tư).
- Hình thức đối tác công tư (PPP).
- Hình thức đầu tư có tham gia thực hiện của cộng đồng (xã hội hóa).

3. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chịu trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường đô thị bên trong và bên ngoài hàng rào các khu công nghiệp khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

4. Trường hợp, công trình được quy định tại khoản 2 Điều này qua địa phận 02 (hai) đơn vị hành chính cấp xã, thì 02 (hai) đơn vị hành chính cấp xã thống nhất 01 (một) đơn vị quản lý. Trường hợp, không thống nhất được thì báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo thực hiện.

Điều 3. Nhiệm vụ bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

1. Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 21 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 20 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; khoản 4 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Thực hiện cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác đối với các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 21 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 5 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Tổ chức giao thông đường bộ trong giai đoạn quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng công trình đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 6 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp phạm vi tổ chức giao thông có liên quan đến quốc lộ, đường tỉnh thì phải lấy ý kiến của Sở Xây dựng trước khi thực hiện.

4. Chấp thuận vị trí, thiết kế đầu nối tạm và cấp giấy phép thi công đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 31 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 7 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 4. Nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý đối với các công trình dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (hình thức PPP)

1. Giai đoạn thu phí hoàn vốn theo Hợp đồng dự án PPP

a) Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm thực hiện bảo trì, sửa chữa đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác công trình, khắc phục hậu quả thiên tai và các nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý, khai thác theo Hợp đồng dự án PPP đã ký.

b) Cơ quan quản lý công trình dự án thực hiện các nhiệm vụ còn lại được quy định tại Điều 3 Quyết định này trừ các nhiệm vụ quản lý được nêu tại điểm a khoản này.

2. Giai đoạn sau khi kết thúc Hợp đồng dự án PPP

a) Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm bàn giao công trình dự án cho cơ quan quản lý (theo quy định tại Điều 2 Quyết định này) đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

b) Sau khi nhận bàn giao, cơ quan quản lý thực hiện nhiệm vụ quản lý theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan triển khai và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

b) Thống kê, cập nhật số liệu cầu, đường và công trình trên tuyến, tình hình quản lý, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tham mưu đề xuất điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

2. Trách nhiệm Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

b) Thống kê, cập nhật số liệu cầu, đường và công trình trên tuyến, tình hình quản lý, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý và thực hiện chế độ báo cáo như sau:

- Gửi báo cáo định kỳ về Sở Xây dựng: báo cáo quý trước ngày 20 tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng đầu năm trước ngày 20 tháng 6 và báo cáo năm trước ngày 20 tháng 11 hàng năm. Thời gian chốt số liệu báo cáo quý, 6 tháng đầu năm và báo cáo năm: trước 10 ngày so với thời hạn báo cáo theo quy định (Mẫu báo cáo theo Phụ lục I, II, III kèm theo Quyết định này).

- Cập nhật định kỳ 6 tháng đầu năm và cuối năm, Cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng đường bộ quản lý vào phần mềm quản lý tài sản Công theo quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026 và bãi bỏ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý và sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *An Giang*

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- LĐVP, TT CBTH, Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT, tnvnam.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Công Thức